

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY TUẦN 6

Môn/Tiết /ngày	Bài	Nội dung điều chỉnh sau bài dạy
Toán /tiết 3/ ngày 16/10	Làm quen với phép cộng □ Dấu cộng (tiếp theo)	HD HS nêu tình huống với cách gộp và cách thêm
TV/tiết 2/ ngày 17/10	Bài 31. ua, ua	Chú ý <i>cua</i> và <i>qua</i> , khác nhau <i>ua</i> và <i>a</i> ,..

BỔ SUNG TIẾT HĐTN- SINH HOẠT LỚP TUẦN 6

Phần 1. Sinh hoạt lớp

1. Lớp trưởng nhận xét chung hoạt động trong tuần 6

2. GVCN nhận xét tuần 6

a) Ưu điểm:

- Thực hiện tốt theo thời khóa biểu tuần 6
- Một số HS chú ý học tập, hăng hái phát biểu: Giang, Quốc, Thắng
- HS viết bài đầy đủ

b) Tồn tại:

- Một số bạn đọc bài chưa to, chưa tiến bộ: Dũng, Minh Anh, Khánh, An
- Chữ viết chưa sạch sẽ

3) Phương hướng tuần 7

- Khắc phục tồn tại của tuần 6
- Thực hiện nghiêm túc các nề nếp quy định
- Giữ vệ sinh lớp học
- Soạn sách vở, đồ dùng đầy đủ khi đến lớp
- Tích cực học tập, hoàn thành tốt các bài học mỗi ngày
- Tích cực luyện đọc, luyện viết, giữ vở sạch viết chữ đẹp
- Tích cực làm toán cộng trong phạm vi 10

TUẦN 7

Thứ hai ngày 21 tháng 10 năm 2024

SÁNGTIẾT 1

HĐTN1

SH dưới cờ: Rèn nền nếp sinh hoạt

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết được nội dung phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt.
- Vui vẻ tham gia phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt

II. CHUẨN BỊ:

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

A. Hoạt động mở đầu: GV chủ nhiệm yêu cầu HS của lớp mình chuẩn chỉnh trang phục, ổn định vị trí, chuẩn bị làm lễ chào cờ.

B. Hoạt động Sinh hoạt dưới cờ:

Phần I: Nghi lễ và hành chính trong nhà trường (Đoàn – Đội thực hiện)

1. Hoạt động 1: Nghi lễ (Chào cờ; Nhận xét công tác trong tuần...)

2. Hoạt động 2: Sinh hoạt dưới cờ

Phần II: Sinh hoạt theo lớp chủ đề **Rèn nền nếp sinh hoạt**

- Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học trên lớp.

Cho HS nêu ý kiến về các nền nếp trên lớp: tư thế ngồi học, phát biểu ý kiến, ..

- Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học ở nhà.

- Xây dựng nền nếp trong các hoạt động giáo dục khác.

- Hướng dẫn triển khai rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt

- GV kết luận về xây dựng nền nếp

- Nhắc nhở HS thực hiện

- Nêu ý kiến cá nhân về các nền nếp học tập trên lớp: VD ngồi học đúng tư thế, giơ tay phát biểu ý kiến, không nói chuyện, không làm việc riêng, nói lễ phép, giữ vệ sinh trường lớp,...

- HS nêu ý kiến về xây dựng nền nếp học tập ở nhà...

TIẾT 2

TOÁN

Phép cộng trong phạm vi 6 (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG :

- Bộ đồ dùng Toán 1.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- Trò chơi “Đố bạn”
- Tuyên dương HS

2. Thực hành, luyện tập

Bài 2.

- Nêu yêu cầu: Tính
- HDHS tìm kết quả các phép cộng
- GV chốt lại cách làm bài.

Lưu ý: Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng chấm tròn, que tính, ngón tay,...) GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

Bài 3

- Cho QS tranh
- HD nêu tình huống trong tranh
- Nêu phép tính tương ứng
- Chữa bài, cho HS chia sẻ trước lớp

3. Vận dụng

- YCHS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

4. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- Cá nhân nêu tình huống và đố bạn khác nêu phép cộng tương ứng

- Cá nhân HS tự làm bài 2

- HS có thể dùng thao tác đếm để tìm kết quả phép tính

- HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. *Ví dụ* câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: $3 + 2 = 5$. VD: Có 3 bạn đang chơi xu xi, 2 bạn khác vào chơi nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?

TIẾT 3+4

TIẾNG VIỆT

Bài 34. v y

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết âm và chữ cái v, y; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có v, y.
- Nói đúng từ ngữ (có âm v, âm y) với hình.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Dì Tư*.
- Viết đúng trên bảng con các chữ và tiếng: v, y, ve, y (tá).

II. CHUẨN BỊ:- Bộ đồ dùng học TV; thẻ chữ

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Khởi động

- Trò chơi: Ai tinh mắt
YC hs nói đúng và nhanh các thẻ chữ có chứa âm ua, ua, tr, ch, sau đó đọc to
- Tập đọc *Thỏ thua rùa* (2)

- HS chơi trò chơi, nối thẻ chữ và đọc : mùa thu, quả dưa, tre nứa, cà chua
- Nhận xét

+ Nhận xét

- Giới thiệu bài: v, y
- Giới thiệu chữ V, Y
- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS

2. Chia sẻ và khám phá

* *Làm quen: Dạy âm v, chữ v*

- Đưa hình ảnh con ve : Đây là con gì?
- Phát âm: ve
- Phân tích: Tiếng ve gồm những âm nào?

* *Đánh vần.*

- Cho lớp đánh vần và đọc: ve

- *Dạy âm y, chữ y: tương tự*

- *Gt từ: ghé(con của con trâu)*

* *Lấy chữ và ghép*

Chốt: Các em vừa học chữ mới là chữ gì?
Tiếng mới là tiếng gì?

3. Luyện tập

3.1. Mở rộng vốn từ. BT 2: Tiếng nào có chữ v? Tiếng nào có chữ y?)

a. *Xác định yêu cầu*

b. *Nói tên sự vật*

- chỉ từng chữ dưới hình.

c. *Báo cáo kết quả.*

- GV mời học sinh báo cáo

- Nhận xét, tuyên dương

- Tìm 3 tiếng có âm v, y?

3.2/Tập đọc (BT 3)

a. Giới thiệu bài đọc: Dì Tư

b. Giáo viên đọc mẫu cả bài

c. Luyện đọc từ ngữ: **dì Tư, y tá, trưa qua, y tế xã, khi về, ghé, vẽ lá, vẽ ve.**

d. Luyện đọc từng câu

- GV đánh số thứ tự từng câu trong bài trên bảng. HDHS.đọc thầm tên bài, đọc từng tiếng, từng câu

- Cho HS đọc , nhận xét

e. Thi đọc cả bài.

- Cho HS làm việc nhóm đôi

- Nhận xét

g. Tìm hiểu bài đọc

- Yêu cầu đọc và nối

Chốt: Nói a - 2) Dì Tư chỉ cho Hà vẽ. b -
1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.

Nhắc lại

- HS quan sát và trả lời
- HS đọc cá nhân ve
- Trả lời cá nhân
- Cá nhân/ tổ/ lớp đánh vần và đọc:

- Ghép chữ v, ve, y, y tá

Nhắc lại

Mở sách GK

- HS lần lượt nêu

- Cá nhân nêu

- Nhận xét

- HS tự nêu

Quan sát tranh, lắng nghe

- HS nghe

- Đọc cá nhân

- Đọc thầm

- Đọc từng câu

- HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp). Đọc tiếp nối

- Từng cặp nhìn SGK cùng luyện đọc. Từng cặp lên thi đọc cả bài

- Đọc

- Trả lời câu hỏi

*Cho HS đọc lại những gì vừa học

3.4. Tập viết (Bảng con – BT 5)

- HD viết v, y, ve, y tá
Chú ý độ cao, nối chữ y, nối các chữ v và e,...

- Viết mẫu và nêu quy trình viết

- Cho viết bảng con

- GV nhận xét

4. Củng cố, dặn dò

- Nhận xét, đánh giá tiết học

- Khuyến khích HS ở nhà tập viết chữ

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

* Cả lớp nhìn SGK đọc

- Lấy bảng, phấn

- QS và viết bảng theo hd

- HS khác nhận xét

- Lắng nghe

CHIỀU

GV dạy chuyên

Thứ ba ngày 22 tháng 10 năm 2024

SÁNG TIẾT 1+2

Đ/c Diên dạy

TIẾT 3+4

TIẾNG VIỆT

Bài 35. Chữ hoa

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết chữ in hoa trong câu; bước đầu làm quen với chữ viết hoa.

- Nhận ra và đọc được các chữ in hoa trong câu ứng dụng; ghi nhớ quy tắc viết hoa chữ đầu bài, đầu câu, tên riêng.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chia quà*. Tìm được trong bài chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, chữ hoa ghi tên riêng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng nhỏ viết 2 điều cần ghi nhớ về quy tắc viết hoa.

- Bảng chữ thường - chữ hoa phóng to (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Khởi động

+ Thi đọc bài *Dì Tư*

+ GV nhận xét

- Giới thiệu bài: Bài 23 p, ph

2. Chia sẻ và khám phá

(BT 1: Tìm chữ hoa trong câu)

- GV viết lên bảng câu “Dì Tư là y tá.”, cả lớp đọc. GV giải thích: Đây là 1 câu văn, cuối câu có dấu chấm.

- Nêu YC: Phát hiện những chữ được viết hoa trong câu.

- Vì sao chữ **D** trong tiếng **Dì** viết hoa?

- Vì sao chữ **T** trong tiếng **Tư** viết hoa?

- Mời HS nói tên mình, đầy đủ họ, tên;

- HS đọc

- Nhận xét

Hs chú ý theo dõi

- Hs đọc: Dì Tư là y tá

- Chữ **D** trong tiếng **Dì** viết hoa, chữ **T** trong tiếng **Tư** viết hoa.

- Vì **Dì** đứng đầu câu. HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.

- Vì **Tư** là tên riêng của dì.

nhắc HS: Khi viết tên riêng của mình, của mọi người, các em cần viết hoa. Viết hoa tên riêng, viết hoa cả họ và tên đệm.

* **Ghi nhớ (BT 2):**

- GV gắn lên bảng quy tắc viết hoa; đọc quy tắc

3. HĐ Luyện tập

3.1. Tập đọc. (Bài tập 3)

a. Giới thiệu bài đọc: *Chia quà*

b. Giáo viên đọc mẫu

c. Luyện đọc từ ngữ: **chia quà, thị xã, cả nhà, mía, sữa, quà quý.**

d. Luyện đọc từng câu: Đánh số thứ tự từng câu trong bài trên bảng.

-HDHS.đọc thầm tên bài, đọc từng tiếng, từng câu

- Cho HS đọc , nhận xét

e. Thi đọc đoạn/ cả bài

- Nhận xét

* Cho HS đọc lại cả bài

g) Tìm hiểu bài đọc

- Đi thị xã về, má chia quà cho cả nhà. Má không chia quà cho má vì má đã có quà quý. Quà quý đó là gì?

- Hai đứa con là quà quý của má. Con cái luôn là món quà quý giá nhất của cha mẹ

- Chốt nội dung

3.2. Tìm trong bài đọc những chữ hoa (BT 4)

- Nhắc lại quy tắc chính tả viết hoa.

- Nêu YC: tìm chữ hoa bắt đầu từ tên bài.

-Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu

-Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa ghi tên riêng trong bài

3.3. Giới thiệu bảng chữ in thường - in hoa, viết thường - viết hoa

- GV chỉ *Bảng chữ thường, chữ hoa* (trên bảng lớp); giới thiệu các kiểu chữ (in thường - in hoa, viết thường - viết hoa); giải thích: chữ viết là chữ viết bằng tay.

- Cholớp đọc bảng chữ.

- GV chỉ câu *Dì Tư là y tá*, hỏi đó là kiểu chữ gì?

- GV chỉ từng chữ trên *Bảng chữ thường*,

- Hs nói tên mình

-HS lắng nghe

- Hs nhắc lại quy tắc (cá nhân, tổ, cả lớp)

Quan sát tranh

- HS nghe

Đọc từ

- Đọc thầm

- Đọc từng câu

- HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp). Đọc tiếp nối

- Từng cặp cùng luyện đọc.

* Cả lớp nhìn SGK đọc

Cá nhân trả lời câu hỏi

- Hs nhắc lại quy tắc

- HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả (mỗi em nói 1 câu)

-Các cặp HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.

-HS lắng nghe

- HS chỉ và đọc

- **D** trong **Dì**, **T** trong **Tư** là chữ in hoa, các chữ khác là chữ in thường.

- HS thực hiện

- Đó là chữ **in hoa** - gần giống chữ **in thường** nhưng kích thước

chữ hoa, cả lớp phát hiện đó là chữ in hay chữ thường, chữ viết hoa hay chữ viết thường.

- Chữ hoa nào gần giống chữ thường nhưng kích thước lớn hơn?

- Chữ hoa nào không giống chữ thường và kích thước lớn hơn?

-Kết luận

4. **Củng cố, dặn dò:**

-1 HS nhắc lại quy tắc viết hoa.

- GV nhận xét tiết học. Dặn về nhà đọc lại bài Tập đọc cho người thân nghe; chú ý nhận biết chữ hoa

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

chữ **in hoa** lớn hơn.

- Đó là chữ **viết hoa** - không giống chữ **viết thường** và kích thước chữ **viết hoa** lớn hơn.

- Lắng nghe

CHIỀU TIẾT 1

TẬP VIẾT

Bài 34, 35

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Tô, viết đúng các chữ **v, y**, các tiếng **ve, y tá, chia quà** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dẫn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

II. ĐỒ DÙNG:

- Chữ mẫu, Bảng phụ; Từ ghi trong hoa: thi vẽ, y tá, vở đồ

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Khởi động

- Trò chơi: Hái hoa

YC Đại diện tổ lên hái hoa, đọc to cho tổ mình viết

+ Nhận xét

- Giới thiệu bài: Tập viết bài 34,35

2. Khám phá và luyện tập

a. Đọc chữ: v, y, ve, y tá, chia quà.

- GV treo bảng phụ các chữ

- GV yêu cầu học sinh đọc

- GV nhận xét

b. Tập tô, tập viết : v, ve, y, y tá.

- Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng

- Viết mẫu và hướng dẫn quy trình viết

- GV cho HS viết, theo dõi, hỗ trợ HS

c. Tập tô, tập viết : ch, qu, chia quà

- HD tương tự

- Theo dõi, đánh giá một số bài viết

3. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét, đánh giá tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- Cả đội phải ghi đúng, nhanh, đẹp chữ mà hoa yêu cầu.

- HS viết, nhận xét

- HS quan sát

- HS đọc (Tập thể-nhóm-cá nhân) các chữ, tiếng .

- 2 HS nói cách viết

- HS tô, viết vào vở *Luyện viết 1*

- Quan sát cách viết

- HS tô, viết vào vở *Luyện viết 1*

- Lắng nghe

TIẾT 2

TIẾNG VIỆT(T)

Luyện đọc bài 34,35

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS đọc được các âm đã học trong bài 34,35. Đánh vần và đọc trơn được các tiếng, từ, câu có các âm đã học
- Rèn kỹ năng đọc trơn

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

1. Khởi động:

- Y/c HS đọc bài: Chia quà
- GV nhận xét.

2. Luyện tập:

a)Giới thiệu bài

b) Luyện đọc bảng lớp

- GV viết lên bảng một số từ: vở vẽ, thị xã, y sĩ, ví da, ý nghĩ, số y bạ
- Bé bị ho. Mẹ cho bé ra y tế xã.

- Cho HS lên chỉ và đọc
- Nhận xét, tuyên dương

c) Luyện đọc

- Đọc bài trong SGK từ trang 62 đến 66
- Chú ý tập đọc bài 34, 35. Di Tư; Chia quà
- Theo dõi và sửa sai

3. Củng cố dặn dò:

GV nhận xét giờ học. Nhắc nhở tập đọc nhiều lần

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- HS viết bảng con

- Nhận xét

- Đọc thầm và đánh vần các từ

- TBHT chỉ cho bạn đọc

- Đọc cá nhân

- Nhận xét

- HS đọc bài: cá nhân, lớp

- Luyện đọc từng từ/ câu/ đoạn/ cả bài

Thi đọc trong nhóm

- Đọc và trả lời câu hỏi

- Đọc đồng thanh cả lớp

- Nhận xét

TIẾT 3

TOÁN (T)

Luyện tập về phép cộng trong phạm vi 6

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố về phép cộng trong phạm vi 6. Vận dụng làm bài tập.
- Rèn kỹ năng thực hiện phép cộng các số trong phạm vi 6

II. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

1. Khởi động

- Trò chơi: Truyền tin
- Đọc 1 phép cộng có kết quả là 4 .
- Nhận xét

2. Làm bài tập

Bài 1: Tính

$$1 + 2 = \quad 1 + 5 = \quad 2 + 2 = \quad 1 + 4 =$$

$$2 + 1 = \quad 5 + 1 = \quad 3 + 3 = \quad 4 + 1 =$$

-Chốt: ghi nhớ các phép cộng

TBHT điều khiển

Nêu cá nhân, thi các tổ

- Làm vào vở

- Chữa bài, nhận xét

- Chia sẻ cách làm

Bài 2. Số?

$2 + \dots = 3$

$2 + \dots = 4$

$2 + \dots = 5$

$3 + \dots = 4$

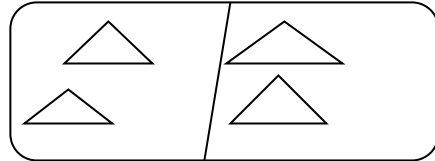
$3 + \dots = 5$

$3 + \dots = 6$

- Chốt: ghi nhớ các phép cộng để vận dụng tìm số trong phép tính

Bài 3:

- Nêu phép tính thích hợp



-Chữa bài - Nhận xét.

Bài 4: Viết các phép cộng có kết quả bằng 5?

- Chữa bài, nhận xét

3. Củng cố:

- Nêu nội dung đã luyện cần ghi nhớ

- Vận dụng các phép cộng vào giải quyết các tình huống trong thực tế

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- Làm vào vở
- 3 em làm bảng lớp
- Nhận xét. Nêu cách làm

- Nêu tình huống
- Viết phép tính ở bảng lớp
- Nhận xét

Thi đua viết ở bảng

Thứ tư ngày 23 tháng 10 năm 2024

SÁNG TIẾT 1+2

TIẾNG VIỆT

Bài 36. am, ap

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **am, ap**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **am, ap** với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần **am, ap**.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Bờ hồ**

- Viết đúng trên bảng con các vần: **am, ap**, các tiếng (quả) **cam**, (xe) **đạp**.

II. CHUẨN BỊ:- Bộ đồ dùng học TV

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Khởi động

Thi đọc bài *Chia quà*

+ Nhận xét

- Giới thiệu bài: Bài 36 am, ap

- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS

2. Chia sẻ và khám phá (BT 1, 2) (dạy kĩ, chắc chắn)

2.1. Dạy vần am

a. Chia sẻ: GV chỉ từng chữ **a, m** (đã học).

b. Khám phá

- Đưa ra hình ảnh quả cam - Đây là quả gì?

- Tiếng nào có vần am?

*Phân tích: **cam**(Tiếng **cam** có âm nào?)

* *Đánh vần.*

- HS đọc

- Cá nhân, cả lớp nhắc lại

1 HS đọc: **a - mờ - am**. Cả lớp: **am**.

- HS quan sát và trả lời

- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp

- Cá nhân/ tổ/ lớp đánh vần

- + GV giới thiệu mô hình vần **am**.
- + GV giới thiệu mô hình tiếng **cam**.
- Cho lớp đánh vần, đọc trơn và nhận xét

2.2. Dạy vần **ap**: Tương tự

- So sánh am và ap?
- * Chốt: Các em vừa học hai vần mới là vần gì? Tiếng mới là tiếng gì?
- Ghép chữ: am, ap, quả cam, xe đạp

3. Luyện tập

3.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có am, tiếng nào có ap?)

a. Xác định yêu cầu

b. Đọc tên sự vật

- Giải nghĩa: *Tháp Rùa* (tháp nằm giữa Hồ Gươm); *quả trám* (loại quả dùng làm thức ăn, rất bùi và ngon); *sáp nẻ* (sáp dùng để bôi lên da mặt, lên môi nhằm chống nứt nẻ).

c. Báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo
- Tìm tiếng có am?
- Tìm tiếng có ap?

3.2. Tập viết (Bảng con)

- HD viết : **am, ap, quả cam, xe đạp**
- Nêu độ cao, cách nối chữ
- Viết mẫu và nêu quy trình viết
- Cho viết bảng con.
- Nhận xét

Tiết 2

3.3. Tập đọc

a. Giới thiệu bài đọc: *Bờ hồ*

b. Giáo viên đọc mẫu

c. Luyện đọc từ ngữ: **bé Giáp, Lam, Tháp Rùa, giữa hồ**

d. Luyện đọc từng câu

- HD đọc từng câu, đọc cả bài
- Nhận xét

e. Thi đọc nối tiếp đoạn/ cả bài.

- Nhận xét, tuyên dương

g. Tìm hiểu bài đọc

(Nói tiếp để hoàn thành câu...)

- Yêu cầu HS nói hoàn chỉnh 2 câu vấ

*Đọc lại những gì vừa học

4. Củng cố, dặn dò

a - mờ - am / am.

HS (cá nhân, tổ, cả lớp): cờ - am - cam / cam.

Vần **am** giống vần **ap**: đều bắt đầu bằng âm **a**. **vần am** khác vần **ap**:

vần **am** có âm cuối là **m**, vần **ap** có âm cuối là **p**.

- Ghép chữ

Mở sách

- *khám, Tháp Rùa, quả trám,...*

- HS nói cá nhân

- báo cáo theo cặp đôi

- Nhận xét

- HS nêu cá nhân

- Lấy bảng, phấn

- Quan sát

- Viết bảng con theo hd

- Nhận xét

Quan sát tranh

- HS nghe

Đọc cá nhân

- Đọc thầm cá nhân

- Đọc tiếp nối theo nhóm, cặp

- Từng cặp lên thi đọc

- QS tranh và trả lời câu hỏi

- Cả nhà đi bộ *ra bờ hồ*

- Bỏ chỉ cho cả nhà Tháp Rùa giữa hồ) -1 HS đọc.

- Nhận xét, đánh giá tiết học
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- Lắng nghe

TIẾT 3

TOÁN

Phép cộng trong phạm vi 6 (tiếp theo)(tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 6*.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG

- Bộ đồ dùng Toán 1. Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em.
- Chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.
- Giới thiệu bài

2. Hình thành kiến thức

HD HS thực hiện các hoạt động:

- Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).
- *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.
- Giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.
- Nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6*.
- KLCó thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1. Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.....

3. Thực hành, luyện tập

Bài 1. Tính nhẩm

- Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính, ... để

- Nêu cá nhân
- Nhận xét
- Chơi TC

- HS thực hiện theo nhóm 6: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính; bạn B nêu kết quả phép tính đó (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

- Sắp xếp các thẻ phép cộng

- HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6*.

- HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.

- Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau

tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng cộng trong phạm vi 6* để tính nhẩm.

- GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kỹ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổi nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $4 + 1$; $1 + 4$; $5 + 1$; $1 + 5$; ...

- Ở câu b), YCNhận xét các phép tính trong từng cột?

Chốt: Khi đổi chỗ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đổi.

4. Củng cố, dặn dò:

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

HS lấy thêm ví dụ tương tự: $2 + 3 = 5$; $3 + 2 = 5$; ...

TIẾT 4

LUYỆN CHỮ

Luyện viết u, ư, ua, ưa

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS viết các chữ: u, ư, ua, ưa, cá thu, cà chua, cửa sổ
- Rèn kỹ năng viết đúng quy trình, đều, đúng cỡ chữ vừa
- HS viết đúng mẫu, sạch sẽ.

II. ĐỒ DÙNG: Bảng phụ, chữ mẫu

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động :

- Trò chơi: Truyền tin
- Cho HS truyền tin nhau để viết bảng: tr, ch, cua, ngựa
- GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

2. Luyện chữ

a. Giới thiệu bài:

b. Hướng dẫn HS luyện viết

+ GV đưa bảng chữ mẫu, yêu cầu HS đọc, nhắc lại độ cao các chữ.

+ Luyện viết u, ư, ua, ưa

- GV nhắc lại độ cao, điểm đặt bút, điểm dừng bút của chữ

- Viết mẫu và cho HS viết

- GV chú ý sửa lỗi kịp thời cho HS.

+ Luyện viết : **cá thu, cà chua, cửa sổ**

- GV viết mẫu lên bảng, kết hợp giảng giải lại điểm đặt bút, cách nối nét, điểm

- HS viết bảng (thi theo tổ)

- HS lắng nghe.

- HS quan sát chữ mẫu, nêu độ cao

- HS quan sát

- HS viết vào vở ôli

Mỗi chữ 1 dòng

- HS quan sát

- HS viết vào vở ôli

Mỗi chữ 1 dòng

dùng bút.

- GV cho HS viết
- GV chú ý sửa lỗi kịp thời cho HS.
- GV nhắc nhở khi viết : Cách trình bày bài viết, số lượng dòng viết các chữ, ...Cách ngồi viết đúng tư thế.
- Nhận xét bài cho HS

3. **Củng cố dặn dò :**

GV nhận xét giờ học. Tuyên dương HS
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- Đọc nội dung viết

CHIỀU

GV dạy chuyên

Thứ năm ngày 24 tháng 10 năm 2024

SÁNGTIẾT 1+2

TIẾNG VIỆT

Bài 37 ăm, ăp

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **ăm, ăp**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăm, ăp**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăm, vần ăp**.
- Đọc đúng, hiểu bài **Chăm bà**
- Viết đúng các vần **ăm, ăp** và các tiếng **chăm** (chỉ), **cặp** (da) (trên bảng con).

II. CHUẨN BỊ:

- Bộ đồ dùng học TV; thẻ từ: quả cam, mùa sạ, tháp Rùa, khám, vạm vỡ

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Khởi động

- Trò chơi Ai nhanh ai đúng?
- YC đặt từ có am, ap vào đúng chỗ
- + Nhận xét
- Giới thiệu bài: Bài 37 ăm ăp
- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS

2 đội thi

- HS đọc bài

- Cá nhân, cả lớp nhắc lại

2. Chia sẻ và khám phá

2.1. Dạy vần ăm

- Chia sẻ: GV chỉ từng chữ **ă, m** (đã học).
- Khám phá
 - Đưa ra hình ảnh bé quét nhà – Bé làm gì? Bé thế nào?
 - Tiếng nào có vần ăm?
 - *Phân tích: **chăm**(Tiếng **chăm** có âm nào?)
 - * *Đánh vần.*
 - + GV giới thiệu mô hình vần **ăm**.
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng **chăm**.
 - Cho lớp đánh vần, đọc trơn và nhận xét

1 HS đọc: **ă - mờ - ăm**. Cả lớp: **ăm**.

- HS quan sát và trả lời

Bé chăm chỉ

- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp

- Cá nhân/ tổ/ lớp đánh vần **ă - mờ - am / ăm**.

HS (cá nhân, tổ, cả lớp): chờ - ăm

- chăm / chăm.

Vần **ăm** giống vần **ăp**: đều bắt đầu bằng âm **ă**. vần **ăm** khác vần

2.2. Dạy vần ăp: Tương tự

- So sánh ăm và ăp?

* Chốt: Các em vừa học hai vần mới là vần gì? Tiếng mới là tiếng gì?

- Ghép chữ: ăm, ăp, chăm chỉ, cặp da

3. Luyện tập

3.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có ăm, tiếng nào có ăp?)

a. Xác định yêu cầu

b. Đọc tên sự vật

- Giải nghĩa: *tằm* (loài sâu ăn lá dâu, lá sắn, nuôi để lấy tơ dệt vải).

- Cho HS làm bài trong vở Bài tập

c. Báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo

- Tìm tiếng có am?

- Tìm tiếng có ap?

3.2. Tập viết (Bảng con)

- HD viết : ăm, ăp, chăm chỉ, cặp da

- Nêu độ cao, cách nối chữ

- Viết mẫu và nêu quy trình viết

- Cho viết bảng con.

- Nhận xét

ăp: âm cuối là **m** và âm cuối là **p**.

- Ghép chữ

Mở sách

- *thấp, bắp ngô, tằm, ...*

- HS nói cá nhân

- HS làm trong vở bài tập: nối

- báo cáo theo cặp đôi

- Nhận xét

- HS nêu cá nhân

- Lấy bảng, phấn

- Quan sát

- Viết bảng con theo hd

- Nhận xét

Tiết 2

3.3. Tập đọc

a. Giới thiệu bài đọc: *Chăm bà*

b. Giáo viên đọc mẫu

c. Luyện đọc từ ngữ: **bị cảm, lo lắng, khắp, Thấm, chăm, pha sữa**

d. Luyện đọc từng câu

- HD đọc từng câu, đọc cả bài

- Nhận xét

e. Thi đọc nối tiếp đoạn/ cả bài.

- Nhận xét, tuyên dương

g. Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC của BT, chỉ từng vế câu trên bảng cho cả lớp đọc.

- Ghép đúng câu

* Đọc lại những gì vừa học

4. Củng cố, dặn dò

- Nhận xét, đánh giá tiết học

- Về nhà xem trước bài 38

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

Quan sát tranh

- HS nghe

Đọc cá nhân

- Đọc thầm cá nhân

- Đọc tiếp nối theo nhóm, cặp

- Từng cặp lên thi đọc

- Hs đọc

- Nói kết quả a) – 2; b) – 3 ; c) -1

* Cả lớp nhìn SGK đọc

- Lắng nghe

Bài 4. Lớp học của em (tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

* *Về nhận thức khoa học:*

- Nhận biết được thế nào là lớp học sạch , đẹp .

* *Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:* Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về lớp học sạch , đẹp

* *Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

- Làm được những việc phù hợp để giữ gìn lớp học sạch, đẹp.

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách đồ dùng học tập trong lớp.

II. ĐỒ DÙNG: Các hình trong SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 3. **Giữ gìn lớp học sạch , đẹp**

1. Khởi động

- Hát Lớp chúng ta đoàn kết
- Trò chơi: Kể tên các đồ dùng có trong lớp học
- Giới thiệu bài mới

- Hát
- Kể theo tổ, thi đua kể đúng đồ dùng có trong lớp

2. Khám phá

Hoạt động 1. Thảo luận về lớp học sạch đẹp

GV sử dụng KTDH Chia sẻ nhóm đôi

Bước 1 : Làm việc theo cặp

-GV yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 32 trong SGK , trả lời các câu hỏi :

- + Nêu những điểm khác nhau của lớp học trong hai hình .
- + Em thích lớp học của em như thế nào ?

- Quan sát các hình sgk
- Trình bày ý kiến trong nhóm về lớp học sạch đẹp

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp
- Nhận xét nhóm bạn

Bước 2 : Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu lần lượt mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp .
- GV có thể gợi ý để HS nói
- GV cùng HS nhận xét

3. Luyện tập, vận dụng

Hoạt động 2: Xác định những việc có thể làm để lớp học sạch , đẹp

Bước 1 : Làm việc theo nhóm 4

- Yêu cầu HS liệt kê những việc có thể làm để giữ lớp học sạch , đẹp .
- Liên hệ xem trong nhóm các bạn đã thực hiện những việc đó như thế nào ?

- Quan sát các hình sgk
- Trình bày ý kiến trong nhóm về những việc làm cho lớp học sạch đẹp

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp
- Nhận xét nhóm bạn

Bước 2 : Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu một số nhóm báo cáo

kết quả thảo luận trước lớp .

- GV nhận xét

Hoạt động 3. Thực hành lau bàn ghế, nhặt rác trong lớp

Bước 1. Giao việc

Bước 2: Làm việc theo nhóm

Bước 3: Nhận xét, nêu cảm nghĩ

Chốt: Nêu được một số việc làm phù hợp để giữ lớp học sạch , đẹp .

- Có ý thức giữ lớp học sạch , đẹp mỗi ngày .

- GV hướng HS đến thông điệp cả bài :
“ Lớp học như là nhà . Cô giáo như mẹ hiền . Bạn bè như là anh em ”

3. Cũng cố, dặn dò

- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.

-Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận , đúng cách đồ dùng học tập trong lớp .

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- Thực hành theo tổ

- Nghiệm thu

- Nêu cảm nghĩ khi tự các em làm cho lớp học đã sạch đẹp

TIẾT 4

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Bài 5. Lớp học của em (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*** Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên , địa chỉ của trường mình .

- Xác định được vị trí các khu vực , các phòng của trường học và kể được tên một số đồ dùng có ở trường học .

*** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về trường học. Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về trường học

*** Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học .
Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè , GV và các thành viên khác trong nhà trường .

II. CHUẨN BỊ:

- Các hình trong SGK .

- Tranh ảnh hoặc video về các hoạt động của trường học .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TIẾT 1. Các khu vực và các phòng trong trường học

1. Khởi động

+ Hãy nói tên trường của em

+ Em thích nhất điều gì ở trường ?

- Giới thiệu bài

- Hát

HS trả lời

- Lắng nghe

2. Khám phá

Hoạt động 1 : Tìm hiểu trường học của bạn Hà

Bước 1 : Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình ở trang 34 , 35 trong SGK để trả lời các câu hỏi :
- + Trường học của bạn Hà có những khu vực nào , phòng học nào ?
- + Chúng ở đâu ?

Bước 2 : Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu HS trình bày kết quả
- GV cùng HS nhận xét , bổ sung câu trả lời GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời.

Hoạt động 2 : Giới thiệu về trường học của mình

Bước 1 : Làm việc cả lớp

- GV cho HS đi tham quan trường : các khu vực trước sân trường , vườn trường , khu vệ sinh , ...) , sau đó lần lượt đến các phòng . Đến mỗi nơi , HS tìm hiểu xem có đồ dùng gì ?

Bước 2 : Làm việc nhóm 6

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi :
- + Trường em có những khu vực và phòng nào ?
- + Kể tên một số đồ dùng có ở trường em .

Bước 3 : Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu HS trình bày kết quả
- HS khác nhận xét , bổ sung . GV bình luận , hoàn thiện phần trình bày các nhóm .
- GV hỏi : Các em làm gì để giữ gìn đồ dùng có ở trường ?
- GV cùng HS bổ sung , hoàn thiện câu trả lời .
- GV kết hợp với HS nhận xét

Chốt: Nói được tên các khu vực , các phòng và vị trí của chúng trong trường của mình ,
- Kể được tên một số đồ dùng có ở trường

3. Củng cố, dặn dò

- Trò chơi: Đó là gì?
- Nhắc lại tên bài, nội dung vừa học
- Nhận xét giờ học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- HS quan sát
- HS tìm hiểu và làm việc theo
- Đại diện trình bày kết quả
- Trường học của bạn Hà có sân trường , vườn trường , khu vệ sinh và nhiều phòng : phòng học , phòng ban giám hiệu , phòng hội đồng , phòng truyền thống , phòng y tế ở tầng 1 , ...

- HS xếp hàng đôi đi tham quan quanh trường

- HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi :
- Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả thảo luận trước lớp

-HS trả lời: Với bàn ghế – lau chùi , không viết , vẽ bậy , không đứng lên ; với đồ điện như quạt thì phải bật , tắt đúng cách ; với vòi nước , khi không sử dụng thì khoá vòi ; ...

- Chơi trò chơi: HS đặt câu hỏi để đoán tranh bạn đưa ra là đồ dùng gì, ví dụ cái đó dùng để viết phải không?..

CHIỀU TIẾT 1

TẬP VIẾT
Bài 36, 37

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Viết đúng **am, ap, ăm, ăp, quả cam, xe đạp, chăm chỉ, cặp da** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

II. ĐỒ DÙNG:

- Bảng phụ, chữ mẫu, bảng con, phấn, bút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Khởi động

- Trò chơi: Hái hoa

Mỗi tổ chọn 1 bông hoa và đọc từ cho tổ mình viết: chia quà, am, ăm, ap, ăp

- Nhận xét

- Giới thiệu bài

2. Khám phá

- Đưa ra bảng phụ có các chữ, tiếng: *am, quả cam, ap, xe đạp; ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da.*

- GV yêu cầu học sinh đọc

- GV HD độ cao, đặc điểm, cấu tạo, cách viết chữ,...(chữ nào 2 ô li, chữ nào 5 ô li,...)

- Chú ý nối chữ, khoảng cách chữ

3. Luyện tập

- Cho HS mở vở Luyện viết 1, tập 1

- HD HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng.

- HD viết các chữ: *am, quả cam, ap, xe đạp.*

- HD **viết** : *ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da*

- GV theo dõi, giúp đỡ, hỗ trợ HS Khuyến khích HS nhanh viết hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*

- GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương bạn viết đẹp.

4. Củng cố, dặn dò:

- GV nhận xét, đánh giá tiết học

- Về nhà cùng người thân viết lại các chữ

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

Mỗi tổ 1 bạn hái hoa và đọc
Các bạn khác viết bảng con.
Nhận xét

- HS quan sát

- HS đọc (Tập thể-nhóm-cá nhân)
các chữ, tiếng.

- HS quan sát

- Nêu lại độ cao của chữ

- HS mở vở viết theo hướng dẫn

- HS theo dõi tô, viết theo hướng dẫn của giáo viên.

- HS viết bài cá nhân

- Lắng nghe

TIẾT 2

TOÁN(T)

Luyện tập về phép cộng trong phạm vi 6(tiếp)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tiếp tục củng cố về phép cộng trong phạm vi 6. Vận dụng làm bài tập.

- Rèn kĩ năng thực hiện phép cộng các số trong phạm vi 6

II. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

1. Khởi động

| TBHT điều khiển

- Trò chơi: Truyền điện
 - Đọc 1 phép cộng có kết quả là 5, 6.
 - Nhận xét
2. Làm bài tập
- Bài 1: Tính nhẩm
- 2 + 2 2 + 4 6 + 0 0 + 4
 2 + 3 4 + 2 0 + 6 4 + 0
- GV đưa ra các phép tính, y/c hs nêu kết quả
 - Chốt: ghi nhớ các phép cộng

- Bài 2. Số?
- ... + 1 = 6 + 3 = 6 ... + 1 = 5
 + 2 = 6 + 6 = 6 + 4 = 6
- Chốt: ghi nhớ các phép cộng để vận dụng tìm số trong phép tính
- Bài 3: Viết các phép cộng có kết quả bằng 6?
- Chữa bài, nhận xét
- Bài 4: Quan sát các đồ vật, hiện tượng xung quanh em và nêu tình huống phù hợp với phép tính:
- a) $4 + 2 = 6$ b) $3 + 3 = 6$

- Cho nhóm đôi thảo luận và trình bày
 - Nhận xét, tuyên dương
3. Củng cố:
- Nêu nội dung đã luyện cần ghi nhớ
 - Vận dụng các phép cộng vào giải quyết các tình huống trong thực tế
- IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

- Nêu cá nhân nối tiếp
- Nêu nối tiếp kết quả, bạn trả lời trước được gọi bạn tiếp theo trả lời
 - Chia sẻ cách làm
 - Làm vào vở
 - 3 em làm bảng lớp
 - Nhận xét. Nêu cách làm
 - Nêu tình huống
 - Viết phép tính ở bảng lớp
 - Nhận xét
 - Thảo luận nhóm đôi
 - Trình bày trước lớp

TIẾT 3

HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA

Bài 4. Cần làm gì để phòng tránh chấn thương mắt?

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết nguy cơ và biết cách để phòng tránh bị chấn thương mắt trong các hoạt động học tập, vui chơi, các công việc khác.
- Nêu được một số nguy hiểm do chấn thương mắt.
- Biết cách ứng xử khi bản thân hoặc bạn bị chấn thương mắt.

II. CHUẨN BỊ:

- Tài liệu Chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa (BGD&ĐT)
- Hình ảnh minh họa

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Mục tiêu của bài học

- Cho HS đọc và nêu
- Giới thiệu vào bài

2. Các hoạt động

Hoạt động 1. Nhận biết nguy cơ gây chấn thương mắt và cách phòng tránh.

a. Nguy cơ

- Đọc tài liệu và nêu

HS liên hệ thực tế để trả lời

- GV gợi mở, dẫn dắt về một số trò chơi có thể gây nguy hiểm cho mắt:
 - + Trong giờ ra chơi:
 - + Trong lao động và học tập:
 - + Trong các hoạt động khác:
 - b. Cách phòng tránh.
 - GV yêu cầu mỗi HS tự viết một cam kết làm hay không làm gì đó để phòng tránh chấn thương mắt.
 - Chia sẻ thông tin:
 - + Mắt bị chấn thương có những biểu hiện như thế nào?
 - + Nguy hại do chấn thương mắt mang đến là gì?
 - + Em cần làm gì để phòng tránh chấn thương mắt?
 - + Khi thấy bạn bị chấn thương mắt em cần làm gì?
 - Hoạt động 2. Xử lý tình huống**
 - GV yêu cầu mỗi tổ thảo luận về 1 tình huống.
 - Cùng nhận xét cách xử lý tốt nhất
 - 3. Củng cố, dặn dò:**
 - Nhắc lại nội dung cần nhớ
 - Dặn dò HS thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ mắt để có đôi mắt khỏe
- IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- HS nhớ lại những trò chơi trong giờ ra chơi
- + cầu, bóng trong khi chơi, chạy va vào nhau, ...
- + lá/ cành cây cọ, dùng tay bấn dụi mắt, bụi bay vào mắt, chọc bút vào mắt bạn ngồi cạnh, ...
- + chơi lộn mi mắt, cầm đũa đùa nhau khi ăn, chỉ bút chì vào mặt bạn, ...
- HS viết/ vẽ 1 cam kết
- HS đọc thông tin / trang 19
- + thấy đau, chảy nước mắt, nhìn mờ, thâm tím, sưng tấy, ...
- + có thể mù lòa suốt đời
- + tránh chơi các trò chơi có nguy cơ gây chấn thương cho mắt, ... cần cẩn thận
- + cần báo ngay cho người lớn
- Tổ 1: Giờ ra chơi
- Tổ 2, 3: Giờ thực hành môn TN & XH
- Thảo luận, phân công vai diễn, đóng vai trước lớp.

Thứ sáu ngày 25 tháng 10 năm 2024

SÁNG TIẾT 1

KỂ CHUYỆN

Chú thỏ thông minh

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
- Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn câu chuyện.
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Thỏ con thông minh đã lừa được cá sấu, tự cứu mình thoát khỏi miệng cá sấu. Chú thỏ thông minh

II. ĐỒ DÙNG: Học liệu SGK điện tử, ti vi, máy tính

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Khởi động

- Kể lại câu chuyện Dê con nghe lời mẹ
- Nhận xét, tuyên dương

- Kể theo tranh
- Kể cả câu chuyện

- Giới thiệu bài mới : Chú thỏ thông minh
- Chia sẻ: QS tranh và phỏng đoán

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Nghe kể chuyện

- Mở Học liệu SGK điện tử
- GV kể lại 2 lần

2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh

- Tranh 1: *Thỏ con đến bờ sông làm gì? Nó thấy cá sấu khi nào?*

- Tranh 2: *Vì sao thỏ nhìn thấy cá sấu mà vẫn đi xuống mép nước? Cá sấu bất ngờ làm gì?*

- Tranh 3: *Trước khi nuốt mồi, cá sấu làm gì để dọa thỏ?*

- Tranh 4: *Thỏ đã nghĩ ra mẹo gì để thoát thân?*

- Tranh 5: *Nghe lời thỏ, cá sấu đã làm gì?*

- Tranh 6: *Khi cá sấu kêu, thỏ con làm gì?*

2.3. Kể chuyện theo tranh.

- GV gọi HS lên kể trước lớp.
- GV cùng HS nhận xét bạn kể

2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện

- Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?

* KL: Câu chuyện cho các em thấy thỏ con nhỏ bé mà thông minh, lừa được con cá sấu to xác mà ngu ngốc nên đã thoát khỏi miệng cá sấu. *Lời khuyên: Khi gặp nguy hiểm hãy bình tĩnh, thông minh nghĩ cách cứu mình.

3. Củng cố, dặn dò:

- Bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa của câu chuyện.

- Về nhà kể lại cho người thân nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- Nhận xét

- QS tranh trong SGK
- Bày tỏ ý kiến và chia sẻ

+ HS qs ti vi và lắng nghe

+ HS lắng nghe và quan sát tranh

HS nối tiếp nhau trả lời

- Kể trong nhóm đôi

- HS tự chọn 2 tranh và tập kể

- HS xung phong lên kể cặp tranh mình đã chọn.

- Mỗi HS chọn 2 tranh và tự kể chuyện theo 2 tranh đó.

- Kể chuyện cá nhân

- Trả lời cá nhân

TIẾT 2

TIẾNG VIỆT

Bài 39. Ôn tập

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc đúng bài Tập đọc *Cô bé chăm chỉ*.
- Tìm đúng các tiếng trong bài có vần **am, ap, ăm, ăp**.
- Tập chép đúng chính tả 1 câu văn (chữ cỡ vừa).

II. ĐỒ DÙNG - Bảng phụ ghi sẵn câu văn cần chép

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Trò chơi: Hái táo

- Mỗi đội cần hái đúng táo cho vào rổ am/ăm, ap/ấp
- Nhận xét
- Giới thiệu bài: Ôn tập

2. Luyện tập

2.1. Tập đọc (Bài tập 1)

- Giới thiệu bài: *Cô bé chăm chỉ.*
- Đọc mẫu
- Luyện đọc từ ngữ: **chăm chỉ, khắp nhà, ê a, đi xe đạp, khám, thú vị lắm.**
- Luyện đọc câu
 - GV chỉ từng câu. Bài có mấy câu?
 - Đọc từng câu
 - Cho đọc nối tiếp
 - GV cùng HS nhận xét.
- Thi đọc nối tiếp 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); cả bài.
 - GV cùng HS nhận xét
- Tìm hiểu bài đọc:
 - Bé Chi chăm chỉ thế nào?

2.2. BT 2 (Tìm trong bài đọc 1 tiếng có vần *am*, vần *ap*, vần *ăm*, vần *ấp*)

- Nêu YC.
- Chữa bài, nhận xét

2.3. Tập chép (BT 3)

- Đưa bảng phụ giới thiệu bài tập chép.
- Đọc to, rõ câu văn cần chép: Bé chăm chỉ, đi khắp nhà.
- HD cách chép câu
- Chữa bài cho HS, nhận xét chung.

3. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

Chơi trò chơi 2 đội nối tiếp nhau

hái táo cho vào rổ am/ăm; ap/ấp

Đọc cá nhân

Nhận xét bạn

- Hs quan sát

- Theo dõi

- HS đọc (cá nhân, bàn, tổ)

- Đọc thầm

- Đọc từng câu theo GV chỉ

- Đọc nối tiếp từng câu (cá nhân/cặp)

- Cả lớp/ tổ đọc đồng thanh

- HS đọc bài (cá nhân, cặp, tổ)

- HS thi đua lên đọc bài tập đọc

- Bé đi khắp nhà, khi thì mở vở của chị đọc ê a; khi thì đi xe đạp; khi thì khám bệnh cho chó Lu.

- Hs thực hiện gạch chân tiếng có vần cần tìm.

- Báo cáo kết quả

- HS đọc to, đọc thầm câu văn, chú ý những từ các em dễ viết sai

- Nhìn mẫu, chép câu văn vào vở cỡ chữ vừa.

- Tự rà soát lỗi; đổi bài với bạn, kiểm tra sửa lỗi cho nhau.

- Lắng nghe

TIẾT 3

TOÁN

Phép cộng trong phạm vi 6 (tiếp theo)(tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 6.*

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG

- Bộ đồ dùng Toán 1. Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em.
- Chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6.
- Giới thiệu bài

1. Luyện tập

Bài 2.

- HD hs nêu các phép cộng theo từng dòng
- Phép tính nào thiếu
- Chữa bài, nhận xét

Bài 3. HDHS quan sát phân tích mẫu rồi vận dụng để tìm kết quả các phép tính cho trong bài.

Lưu ý: GV hướng dẫn HS cách làm các bài có số 0 trong phép cộng (một số cộng với 0 có kết quả bằng chính số đó). GV khuyến khích HS trong lớp lấy thêm ví dụ phép cộng với số 0.

Bài 4.

- Nêu phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ
- HDHS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

3. Vận dụng

- YCHS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

4. Củng cố, dặn dò

- Bài hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- Nêu cá nhân
- TBHT điều khiển trò chơi Đố bạn

- HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp. Chia sẻ trước lớp.

- Làm vào vở
- Báo cáo kết quả theo cặp đôi
- Nhận xét

- Nêu cá nhân
- a) Bên trái có 3 con ong. Bên phải có 3 con ong. Có tất cả bao nhiêu con ong?
Ta có phép cộng $3 + 3 = 6$. Vậy có tất cả 6 con ong.
- b) Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. Có thêm 2 bạn đi đến. Có tất cả bao nhiêu bạn?
Ta có phép cộng $3 + 2 = 5$. Vậy có tất cả 5 bạn.

TIẾT 4

LUYỆN CHỮ **Luyện viết v, y**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS nắm được cách viết các chữ: v, y, via hè, y tá, ý nghĩ
- Rèn kĩ năng viết đúng quy trình, đều, đẹp.
- HS viết đúng mẫu, sạch sẽ.

II. ĐỒ DÙNG: Bảng phụ, chữ mẫu

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động :

- Cho HS viết bảng: mùa thu, giữa trưa
- GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

2. Luyện chữ

+ GV đưa bảng chữ mẫu, yêu cầu HS đọc, nhắc lại độ cao các chữ.

+ Luyện viết **v, y**

- GV nhắc lại độ cao, điểm đặt bút, điểm dừng bút của chữ

- Viết mẫu và cho HS viết

- GV chú ý sửa lỗi kịp thời cho HS.

+ Luyện viết **via hè, y tá, ý nghĩ**

- GV viết mẫu kết hợp giảng giải lại điểm đặt bút, cách nối nét, điểm dừng bút.

- GV cho HS viết

- GV chú ý sửa lỗi kịp thời cho HS.

...Cách ngồi viết đúng tư thế.

- Nhận xét bài cho HS

3. củng cố dặn dò :

GV nhận xét giờ học. Tuyên dương HS

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- HS thi viết bảng con

- HS lắng nghe.

- HS quan sát chữ mẫu, nêu độ cao

- HS quan sát

- HS viết vào vở ôli

Mỗi chữ 1 dòng

- HS quan sát

- HS viết vào vở ôli

Mỗi chữ 1 dòng

- Đọc nội dung viết

CHIỀU TIẾT 1+2

TIẾNG VIỆT(T)

Luyện đọc viết bài 36,37

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS đọc được các âm đã học trong bài 36, 37. Đánh vần và đọc trơn được các tiếng, từ, câu có các vần đã học: am, ap, ăm, ăp

- Rèn kỹ năng đọc trơn

II. ĐỒ DÙNG: Bảng phụ

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

1. Khởi động:

- Trò chơi: Hái táo

- Y/c HS đọc bài Di Tu

- GV nhận xét.

2. Luyện tập:

a)Giới thiệu bài

b)Luyện đọc bài trên bảng

- Đưa bảng phụ đã viết các từ, câu

- Cho HS đọc:

quả cam, mùa sạp, bắp ngô, số tám, nằm ngủ, Tháp Rùa

Bố mẹ Nam đi làm xa. Nam và bà ở nhà.

Bà cho Nam đi xe đạp.

- HS đọc bài

- Nhận xét

TBHT chỉ bảng cho các bạn đọc

- Đọc, phân tích

- Đọc cá nhân

- Theo dõi và hd đọc đúng
- Tìm các tiếng mới có am, ap, ăm, ăp?

c) Luyện đọc bài trong SGK

- Cho đọc từ trang 66 đến 69
- Hỏi thêm để hiểu bài tập đọc
- Theo dõi và sửa sai
- Nhận xét, tuyên dương

d) Luyện viết

- Đọc cho hs nghe viết chính tả
Mùa hè, cả nhà bé đạp xe về quê. Qua
ngõ nhỏ, cả nhà đỗ xe, rẽ về phía nhà gỗ
có thảm cỏ. Đó là nhà bà. Đi xe đạp về
quê quả là thú vị.

- Nhận xét

3. Cùng cố dặn dò:

- Nêu lại các vần vừa ôn
- GV nhận xét giờ học. HDVN tập đọc
bài cùng người thân

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

- HS đọc bài: cá nhân, lớp

- Thi đọc trong nhóm

- Đọc đồng thanh cả lớp

- Đọc cá nhân, trả lời câu hỏi

- Nghe viết vào vở

- Đọc soát lỗi

TIẾT 3

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM3

SHL: Chia sẻ việc thực hiện nền nếp sinh hoạt

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đánh giá hoạt động trong tuần 7, nắm phương hướng hoạt động của tuần 8
- Bước đầu biết tự đánh giá bản thân trong việc thực hiện nền nếp sinh hoạt
- Bước đầu tự giác thực hiện nền nếp sinh hoạt

II. CHUẨN BỊ:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HĐTQ sinh hoạt

2. GVCN nhận xét tuần 7

a) Ưu điểm:

.....

.....

.....

b) Tồn tại:

.....

.....

.....

c) Phương hướng tuần 6:

.....

.....

.....

3. Chia sẻ việc thực hiện nền nếp sinh hoạt

- Nhắc lại chủ đề HĐTN tuần 7: Tự chăm sóc bản thân
- GV cho lớp chia sẻ theo nhóm nhỏ với nội dung:

+ Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở trường, ở lớp?

+ Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở nhà ?

- GV đánh giá chung kết quả thực hiện nền nếp sinh hoạt của HS

- GV nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt ở nhà và ở trường

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY(nếu có)

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG
Đã kiểm tra

GIÁO VIÊN